

Số: 09/2024/QĐST-HNGĐ

Chí Linh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH- TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Nguyễn Thiện Phán

Thư ký phiên họp: bà Mạc Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 393/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 08/2024/QĐST-VHNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: anh Vũ Hữu H (tên gọi khác: Vũ Văn H1), sinh năm 1974

Địa chỉ: khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Chí Linh

Địa chỉ: phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Đức P – Chủ tịch

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977

Địa chỉ: khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Anh H1, ông P, chị T và chị T1 đều vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết của anh Vũ Hữu H (tên gọi khác: Vũ Văn H1) và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Anh và chị Nguyễn Thị T1 được tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Năm 1994, anh và chị T1 đến Ủy ban nhân dân xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C) để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Khi đi đăng ký kết hôn, chị T1 có nói dối anh là chị sinh năm 1974 để đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng thực tế chị T1 sinh năm 1977. Việc chị T1 lấy tên chị gái là Nguyễn Thị T để đăng ký với anh, anh không biết vì khi đó anh còn trẻ. Khi anh nhận được Giấy chứng nhận kết hôn bản chính do Ủy ban nhân dân xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C) cấp, anh không kiểm tra nên không biết tại Giấy chứng nhận kết hôn này anh có tên là Vũ Văn H1 và họ tên vợ là Nguyễn Thị T. Anh khẳng định tất cả các giấy tờ của anh, anh đều có tên là Vũ Hữu H. Đến nay, anh mới biết Giấy chứng nhận kết hôn của anh là không đúng nên yêu cầu Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Nguyễn Thị T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày: tôi là chị gái của chị Nguyễn Thị The . Việc chị T1 mượn tên chị để đăng ký kết hôn với anh Vũ Hữu H vào năm 1994, chị không hề biết. Chị mới biết sự việc này cách đây một tháng. Do anh H, chị T1 khúc mắc về giấy tờ nên có nói với chị về sự việc này thì chị mới biết. Việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V năm 1994 như thế nào thì chị không biết. Tòa án có cho chị xem Giấy chứng nhận kết hôn bản chính mà anh H xuất trình cho Tòa án thì chị khẳng định Nguyễn Thị T là tên chị nhưng chị sinh năm 1973 chứ không phải sinh năm 1974. Chị T1 chung sống với anh H từ năm 1994 đến nay và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Anh H, chị T1 vẫn chung sống hạnh phúc từ đó cho đến nay và đã có 02 con chung với nhau. Nay anh H có đơn đề nghị huỷ hôn nhân trái pháp luật giữa anh H và chị, chị đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1 trình bày: sau khi tìm hiểu nhau đến năm 1994 chị và anh H đến Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V) để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nhưng do thời điểm đó chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên khi làm thủ tục đăng ký kết hôn chị đã khai tên chị là Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 để đủ tuổi đăng ký kết hôn với anh H. Do cán bộ Ủy ban nhân dân xã V không kiểm tra nên đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn bản chính do chị và anh H. Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay tại khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Anh chị sống hoà thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung. Nay anh H làm đơn yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị Nguyễn Thị T, chị đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường V trình bày: Tại sổ đăng ký kết hôn năm 1994 lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường V thể hiện: tại số thứ tự 04, ngày 15/01/1994, họ tên chồng: Vũ Văn H1, sinh năm

1974 và họ tên vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Thực tế, anh H1 chung sống với chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 từ năm 1994 đến nay tại địa phương và đã có 02 con chung. Anh H1 không chung sống với chị T. Việc năm 1994 chị T1 làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh H1 tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V) do không đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đã sử dụng tên chị gái là Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 thì địa phương không nắm được. Nay anh H1 yêu cầu Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh H1 thì quan điểm của Ủy ban nhân dân phường V là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xác minh với trưởng khu dân cư T, phường V cung cấp như sau: Anh Vũ Hữu H là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Tòa án cho tôi xem bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do anh H xuất trình cho Tòa án. Tại Giấy chứng nhận kết hôn này, họ tên chồng: Vũ Văn H1, sinh năm 1974 và họ tên vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Thực tế, anh H1 kết hôn và chung sống với chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 từ năm 1994 đến nay và đã có 02 con chung. Địa phương không nắm được việc chị T1 khai tên chị gái là Nguyễn Thị T để đăng ký kết hôn với anh H1 vì khi đó chị T1 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Anh H1 không chung sống với chị T. Anh Vũ Văn H1 tại Giấy chứng nhận kết hôn và Vũ Hữu H tại căn cước công dân là một người. Nay anh H yêu cầu Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị T thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp: anh Vũ Hữu H, Ủy ban nhân dân phường V, chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị T1 đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên họp chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Hữu H (tên gọi khác: Vũ Văn H1)

về việc yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của anh H1 và chị Nguyễn Thị T. Về lệ phí: Anh H1 không phải chịu lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: anh Vũ Hữu H có nơi thường trú tại khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Năm 1994, anh đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C). Khi phát hiện bị lừa dối kết hôn trái pháp luật với chị Nguyễn Thị T, anh H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh huỷ kết hôn trái pháp luật. Căn cứ vào Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2]. Về tố tụng: Người yêu cầu anh Vũ Hữu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường V, chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị T1 đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của anh Vũ Hữu H thì thấy:

Anh H và chị Nguyễn Thị T1 được tự do tìm hiểu. Năm 1994, khi anh H và chị T1 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C) chị T1 có nói với anh H là chị T1 sinh năm 1974 (nhưng thực tế chị T1 sinh năm 1977). Hơn nữa, việc chị T1 sử dụng tên của chị gái là Nguyễn Thị T để đăng ký kết hôn với anh H, anh H và chị T không hề biết. Chị T1 đã lừa dối anh H để đăng ký kết hôn với anh H. Nếu chị T1 nói với anh H về việc chưa đủ tuổi kết hôn thì anh H sẽ không đăng ký kết hôn với chị T1 vào thời điểm đó. Như vậy là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 quy định về Căn cứ huỷ kết hôn trái pháp luật như sau: “3. *“Lừa dối kết hôn” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch và dẫn đến việc đồng ý kết hôn; nếu không có hành vi này thì bên bị lừa dối đã không đồng ý kết hôn”*

Bên cạnh đó, do sơ suất trong việc kiểm tra lí lịch công dân nên cán bộ đăng ký kết hôn thời điểm đó tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V) đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh H và chị T thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn 03 ngày 15/01/1994 ghi họ tên chồng là Vũ Văn H1, sinh năm 1974 và họ tên vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Việc kết hôn này đã vi phạm vào Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, là kết hôn trái pháp luật. Do anh Vũ Hữu H có đơn yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị T là đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, cần phải huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh Vũ Hữu H (tên gọi khác: Vũ Văn H1) và chị Nguyễn Thị T.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Vũ Hữu H không phải chịu lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Hữu H (tên gọi khác: Vũ Văn H1) về việc yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của anh H1 và chị Nguyễn Thị T.

2. Về lệ phí: anh Vũ Hữu H (tên gọi khác: Vũ Văn H1) không phải chịu lệ phí Tòa án. Hoàn trả anh Vũ Hữu H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0004262 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc quyết định này được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP. Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thiện Phán